

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**BỘ NÔNG NGHIỆP
VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 33/2016/TT-BNNPTNT

Hà Nội, ngày 31 tháng 10 năm 2016

THÔNG TƯ**Quy định về trình tự, thủ tục tiến hành một cuộc thanh tra
chuyên ngành và trang phục, thẻ công chức thanh tra chuyên ngành
nông nghiệp và phát triển nông thôn***Căn cứ Luật Thanh tra số 56/2010/QH12 ngày 15 tháng 11 năm 2010;**Căn cứ Nghị định số 07/2012/NĐ-CP ngày 09 tháng 02 năm 2012 của Chính phủ quy định về cơ quan được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành và hoạt động thanh tra chuyên ngành;**Căn cứ Nghị định số 199/2013/NĐ-CP ngày 26 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;**Căn cứ Nghị định số 47/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động thanh tra ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn;**Theo đề nghị của Chánh Thanh tra Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;**Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Thông tư Quy định trình tự, thủ tục tiến hành một cuộc thanh tra chuyên ngành và trang phục, thẻ công chức thanh tra chuyên ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn.***Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG****Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Thông tư này quy định về trình tự, thủ tục tiến hành một cuộc thanh tra chuyên ngành và trang phục, thẻ công chức thanh tra chuyên ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với Thanh tra Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Thanh tra Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, cơ quan được giao thực

hiện chức năng thanh tra chuyên ngành, người được giao thực hiện nhiệm vụ thanh tra chuyên ngành (sau đây viết chung là công chức thanh tra chuyên ngành) nông nghiệp và phát triển nông thôn; cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

Điều 3. Đoàn thanh tra chuyên ngành

1. Đoàn thanh tra chuyên ngành:

Đoàn thanh tra chuyên ngành được thành lập ở Thanh tra Bộ, Thanh tra Sở và cơ quan được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành (Tổng cục, Cục thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Chi cục thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn được giao thực hiện nhiệm vụ thanh tra chuyên ngành) để tiến hành một cuộc thanh tra chuyên ngành theo quy định của pháp luật về thanh tra.

a) Đoàn thanh tra chuyên ngành được thành lập ở Thanh tra Bộ, Thanh tra Sở có Trưởng đoàn thanh tra, thanh tra viên và thành viên khác; trường hợp cần thiết có Phó trưởng đoàn thanh tra;

Thành viên khác là công chức thuộc Thanh tra Bộ, Thanh tra Sở hoặc cộng tác viên thanh tra do Thanh tra Bộ, Thanh tra Sở trưng tập hoặc người của cơ quan liên quan được mời tham gia đoàn thanh tra.

b) Đoàn thanh tra chuyên ngành được thành lập ở cơ quan được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành (Tổng cục, Cục thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Chi cục thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn) có Trưởng đoàn thanh tra, công chức thanh tra chuyên ngành và thành viên khác; trường hợp cần thiết có Phó Trưởng đoàn thanh tra;

Thành viên khác là công chức, viên chức của Tổng cục, Cục thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Chi cục thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hoặc người của cơ quan có liên quan được mời tham gia đoàn thanh tra.

2. Việc lựa chọn người tham gia đoàn thanh tra chuyên ngành thực hiện theo quy định tại Điều 9 Thông tư số 05/2014/TT-TTCP ngày 16/10/2014 của Thanh tra Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động, quan hệ công tác của đoàn thanh tra và trình tự, thủ tục tiến hành một cuộc thanh tra (sau đây viết tắt là Thông tư số 05/2014/TT-TTCP).

3. Nhiệm vụ, quyền hạn của Trưởng Đoàn thanh tra, thành viên Đoàn thanh tra và người ra quyết định thanh tra thực hiện theo quy định tại Điều 53, Điều 54, Điều 55 Luật Thanh tra 2010 và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

Điều 4. Tiêu chuẩn của người được giao thực hiện nhiệm vụ thanh tra chuyên ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn

Người được giao thực hiện nhiệm vụ thanh tra chuyên ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn có đủ tiêu chuẩn theo quy định tại Điều 12 Nghị định số 07/2012/NĐ-CP ngày 09 tháng 02 năm 2012 của Chính phủ quy định về cơ

quan được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành và hoạt động thanh tra chuyên ngành.

Điều 5. Phân công công chức thực hiện nhiệm vụ thanh tra chuyên ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn

1. Thủ trưởng cơ quan được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hoặc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quyết định phân công công chức thuộc quyền quản lý, có đủ tiêu chuẩn theo quy định tại Điều 4 của Thông tư này thực hiện nhiệm vụ thanh tra chuyên ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn.

2. Việc phân công nhiệm vụ cho công chức thanh tra chuyên ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn thực hiện như sau:

a) Bộ phận tham mưu về công tác thanh tra chuyên ngành ở cơ quan được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành đề nghị Thủ trưởng cơ quan phân công công chức được giao thực hiện nhiệm vụ thanh tra chuyên ngành;

b) Thủ trưởng cơ quan được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành có quyết định phân công công chức thực hiện nhiệm vụ thanh tra chuyên ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn.

Chương II

TRÌNH TỰ, THỦ TỤC TIẾN HÀNH MỘT CUỘC THANH TRA CHUYÊN NGÀNH NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Điều 6. Việc áp dụng trình tự, thủ tục tiến hành một cuộc thanh tra chuyên ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn

1. Trình tự, thủ tục tiến hành một cuộc thanh tra chuyên ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn theo kế hoạch được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 05/2014/TT-TTCT. Trường hợp cần thiết phải lấy mẫu kiểm nghiệm thì việc lấy mẫu kiểm nghiệm thực hiện theo quy định tại Điều 9 của Thông tư này.

2. Đối với cuộc thanh tra chuyên ngành đột xuất để tiến hành nhanh, xử lý kịp thời hành vi vi phạm, ngăn chặn hành vi tái phạm, che giấu tang vật, phương tiện vi phạm, cản trở, chống đối của đối tượng thanh tra; căn cứ vào khoản 3 Điều 40 Thông tư số 05/2014/TT-TTCT:

a) Trình tự, thủ tục tiến hành một cuộc thanh tra chuyên ngành được thực hiện theo các quy định từ Điều 7 đến Điều 11 của Thông tư này;

b) Các quy định khác về trình tự, thủ tục tiến hành một cuộc thanh tra không quy định chi tiết trong Thông tư này thì thực hiện theo quy định tại Thông tư số 05/2014/TT-TTCT.

Điều 7. Nội dung quyết định thanh tra

1. Nội dung quyết định thanh tra thực hiện theo quy định tại Điều 52 Luật Thanh tra năm 2010.

2. Trường hợp cuộc thanh tra chuyên ngành đột xuất theo quy định tại Khoản 2 Điều 6 của Thông tư này, trong quyết định thanh tra nếu không thể ghi tên, địa chỉ đối tượng thanh tra thì phải ghi phạm vi, nội dung, nhiệm vụ, thời hạn thanh tra.

Điều 8. Công bố quyết định thanh tra

1. Quyết định thanh tra được công bố cho đối tượng thanh tra ngay khi tiến hành thanh tra và không thông báo thời gian công bố quyết định thanh tra đến đối tượng thanh tra. Việc yêu cầu đối tượng thanh tra báo cáo được thực hiện khi tiến hành thanh tra trực tiếp tại nơi được thanh tra.

2. Việc công bố quyết định thanh tra được thể hiện trong biên bản làm việc với đối tượng thanh tra theo mẫu số 01-TTr ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 9. Lấy mẫu trong hoạt động thanh tra chuyên ngành

1. Trường hợp cần thiết, Trưởng đoàn thanh tra quyết định việc lấy mẫu kiểm nghiệm và các chỉ tiêu phân tích mẫu kiểm nghiệm.

2. Trình tự, thủ tục, phương pháp lấy mẫu, gửi mẫu, phân tích thực hiện theo quy định của pháp luật về lấy mẫu, gửi mẫu và phân tích mẫu kiểm nghiệm.

Điều 10. Kết thúc việc thanh tra tại nơi được thanh tra

1. Khi kết thúc việc thanh tra tại nơi được thanh tra, Trưởng đoàn thanh tra thông báo cho đối tượng thanh tra về thời gian kết thúc thanh tra.

2. Thông báo thời gian kết thúc thanh tra tại nơi thanh tra được thể hiện trong biên bản làm việc với đối tượng thanh tra theo mẫu số 01-TTr ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 11. Báo cáo kết quả thanh tra, kết luận thanh tra chuyên ngành

1. Theo yêu cầu của Trưởng đoàn thanh tra, thành viên đoàn thanh tra báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ được phân công. Trưởng đoàn thanh tra có trách nhiệm chủ trì xây dựng báo cáo kết quả thanh tra.

2. Chậm nhất là 15 ngày, kể từ ngày kết thúc cuộc thanh tra, Trưởng đoàn thanh tra phải có văn bản báo cáo kết quả thanh tra với người ra quyết định thanh tra, trừ trường hợp nội dung kết luận thanh tra phải chờ kết luận về chuyên môn của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền. Nội dung báo cáo kết quả thanh tra thực hiện theo quy định tại Điều 33 Thông tư số 05/2014/TT-TTCT.

3. Việc xây dựng kết luận thanh tra thực hiện theo yêu cầu của người ra quyết định thanh tra. Nội dung kết luận thanh tra thực hiện theo quy định tại Điều 35 Thông tư số 05/2014/TT-TTCT.

Chương III

TRANG PHỤC, THẺ CÔNG CHỨC THANH TRA CHUYÊN NGÀNH NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Điều 12. Trang phục của công chức thanh tra chuyên ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn

1. Trang phục của công chức được giao nhiệm vụ thanh tra chuyên ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn áp dụng theo quy định tại Thông tư số 02/2015/TT-TTCT ngày 16 tháng 3 năm 2015 của Thanh tra Chính phủ quy định về trang phục của cán bộ, thanh tra viên, công chức, viên chức thuộc các cơ quan thanh tra nhà nước (sau đây viết tắt là Thông tư số 02/2015/TT-TTCT); cấp hiệu thanh tra chuyên ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn quy định tại Điều 13 của Thông tư này.

2. Việc quản lý, cấp phát trang phục đối với công chức được giao nhiệm vụ thanh tra chuyên ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn áp dụng theo quy định tại Thông tư liên tịch số 73/2015/TTLT-BTC-TTCT ngày 12 tháng 5 năm 2015 của Bộ Tài chính và Thanh tra Chính phủ quy định chế độ quản lý, cấp phát trang phục đối với thanh tra viên, cán bộ, công chức, viên chức làm việc tại các cơ quan thanh tra nhà nước.

3. Cơ quan được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn có thể sử dụng trang, sắc phục riêng theo lĩnh vực thay cho trang phục quy định tại Khoản 1 Điều này nhưng phải được sự đồng ý của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

4. Sử dụng trang phục thanh tra chuyên ngành.

a) Trang phục của công chức thanh tra chuyên ngành được sử dụng khi thực hiện nhiệm vụ thanh tra chuyên ngành và trong các ngày lễ, ngày truyền thống của ngành thanh tra;

b) Công chức thanh tra có trách nhiệm bảo quản trang phục được cấp;

c) Nghiêm cấm sử dụng trang phục không đúng mục đích, để vụ lợi.

Điều 13. Cấp hiệu thanh tra chuyên ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn

1. Cấp hiệu thanh tra chuyên ngành của Tổng cục, Cục thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:

a) Trưởng Bộ phận tham mưu về công tác thanh tra chuyên ngành: Cầu vai có 03 (ba) sao và 02 (hai) vạch chữ V;

b) Phó trưởng Bộ phận tham mưu về công tác thanh tra chuyên ngành: Cầu vai có 02 (hai) sao và 02 (hai) vạch chữ V;

c) Công chức thanh tra chuyên ngành: Cầu vai có 02 (hai) sao và 01 (một) vạch chữ V.